

Số: 380/CY-TCKT
(V/v: Giải trình chênh lệch giữa bc kiểm toán
so với bc tài chính đã công bố; lợi nhuận 6
tháng 2020 giảm hơn 10% so với 2019)

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020.

**Kính gửi: UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 6.

Căn cứ Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội.

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty cổ phần Sông Đà 6.

Công ty cổ phần Sông Đà 6 xin giải trình về chênh lệch các chỉ tiêu báo cáo tài chính lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty cổ phần Sông Đà 6 và Báo cáo tài chính giữa niên độ lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội lập ngày 13/08/2020, đồng thời giải trình lợi nhuận lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 giảm hơn 10% so với lũy kế 6 tháng đầu năm 2019, cụ thể như sau:

I. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu báo cáo tài chính đã công bố	Số liệu kiểm toán độc lập tại ngày 13/08/2020	Chênh lệch
			Số cuối kỳ	Số cuối kỳ	
A	B	C	1	2	3=2-1
A	TÀI SẢN				
1	Phải thu ngắn hạn khác	136	8.196.425.818	6.790.225.818	(1.406.200.000)
2	Hàng tồn kho	140	590.617.747.523	589.194.542.806	(1.423.204.717)
3	Phải thu dài hạn khác	216		1.406.200.000	1.406.200.000
B	NGUỒN VỐN				
4	Phải trả ngắn hạn khác	319	142.487.485.514	141.016.805.526	(1.470.679.988)
5	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	453.856.243.269	452.849.981.909	(1.006.261.360)
6	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.019.358.993	18.025.620.353	1.006.261.360
7	Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b	1.387.708.445	1.435.183.716	47.475.271

Nguyên nhân chênh lệch:

1. Chỉ tiêu 136 - Phải thu ngắn hạn khác: Chênh lệch giảm 1.406.200.000 đồng, theo ý kiến của Kiểm toán độc lập điều chỉnh là tách khoản ký quỹ, ký cược dài hạn (trên

TK244) có thời hạn trên 12 tháng từ chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác (chỉ tiêu 136) sang chỉ tiêu Phải thu dài hạn khác (chỉ tiêu 216), số tiền: 1.406.200.000 đồng.

2. Chỉ tiêu 140 - Hàng tồn kho: Chênh lệch giảm 1.423.204.717 đồng, theo ý kiến kiểm toán độc lập, đơn vị điều chỉnh giảm hàng tồn kho, tăng giá vốn hàng bán số tiền: 1.423.204.717 đồng.

3. Chỉ tiêu 216 - Phải thu dài hạn khác: Chênh lệch tăng 1.406.200.000 đồng, Nguyên nhân như mục 1.

4. Chỉ tiêu 319 - Phải trả ngắn hạn khác: Chênh lệch giảm 1.470.679.988 đồng, theo ý kiến của kiểm toán độc lập đơn vị điều chỉnh giảm khoản phải trả cho Bảo hiểm xã hội tiền lãi chậm trả do xác định quá, đồng thời giảm chi phí lãi vay trong kỳ tương ứng.

5. Chỉ tiêu 320 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: Chênh lệch giảm 1.006.261.360 đồng, theo ý kiến kiểm toán độc lập đơn vị điều chỉnh giảm khoản nợ dài hạn đến hạn trả các ngân hàng, đồng thời tăng vay và nợ thuê tài chính dài hạn, số tiền: 1.006.261.360 đồng.

6. Chỉ tiêu 338 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn: Chênh lệch tăng 1.006.261.360 đồng, nguyên nhân như mục 5.

7. Chỉ tiêu 421b - Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này: Chênh lệch tăng 47.475.271 đồng, theo ý kiến kiểm toán độc lập, đơn vị điều chỉnh giảm khoản tiền thuế thu nhập doanh nghiệp do chênh lệch giữa số phải nộp tại Nước cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (24%) so với số phải nộp tại Việt Nam (20%) cho khoản thu nhập tại Lào từ TK821 - Chi phí thuế TNDN hiện hành sang TK 811 - Chi phí khác, số tiền 47.475.271 đồng.

II. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020

T T	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu báo cáo tài chính đã công bố	Số liệu kiểm toán độc lập tại ngày 13/08/2020	Chênh lệch
			Lũy kế 6 tháng đầu năm nay	Lũy kế 6 tháng đầu năm nay	
A	B	C	1	2	3=2-1
1	Giá vốn hàng bán	11	281.167.564.184	282.590.768.901	1.423.204.717
2	Chi phí lãi vay	23	24.602.583.755	22.965.963.517	(1.636.620.238)
3	Chi phí khác	32	158.056.693	371.472.217	213.415.521
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	388.313.065	393.541.792	5.228.727

Nguyên nhân chênh lệch:

1. Chỉ tiêu 11 - Giá vốn hàng bán: Giảm 1.423.204.717 đồng, theo ý kiến kiểm toán độc lập, đơn vị điều chỉnh giảm hàng tồn kho, tăng giá vốn hàng bán số tiền: 1.423.204.717 đồng.

2. Chỉ tiêu 23 - Chi phí lãi vay: Chênh lệch giảm 1.636.620.238 đồng, theo ý kiến của kiểm toán độc lập đơn vị điều chỉnh giảm khoản phải trả cho Bảo hiểm xã hội tiền lãi chậm trả do xác định quá, đồng thời giảm chi phí lãi vay trong kỳ tương ứng số tiền: 1.470.679.988 đồng, đồng thời điều chỉnh giảm lãi chậm trả cho Bảo hiểm xã hội do xác định quá và tăng chi phí khác (TK811) số tiền: 165.940.250 đồng.

3. Chỉ tiêu 32 - Chi phí khác: Chênh lệch tăng 213.415.521 đồng, theo ý kiến của kiểm toán độc lập đơn vị điều chỉnh giảm lãi chậm trả cho Bảo hiểm xã hội do xác định quá và tăng chi phí khác (TK811) số tiền: 165.940.250 đồng, đồng thời điều chỉnh giảm khoản tiền thuế thu nhập doanh nghiệp do chênh lệch giữa số phải nộp tại Nước cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (24%) so với số phải nộp tại Việt Nam (20%) cho khoản thu nhập tại Lào từ TK821 - Chi phí thuế TNDN hiện hành sang TK 811 - Chi phí khác số tiền: 47.475.271 đồng.

4. Chỉ tiêu 51 - Chi phí thuế TNDN hiện hành: Chênh lệch tăng 5.228.727 đồng, do kiểm toán độc lập tính toán lại tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

III. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu báo cáo tài chính đã công bố	Số liệu kiểm toán độc lập tại ngày 13/08/2020	Chênh lệch
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (6 tháng đầu năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (6 tháng đầu năm nay)	
A	B	C	1	2	3=2-1
1	Chi phí lãi vay	06	24.602.583.755	22.965.963.517	(1.636.620.238)
2	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(12.076.871.129)	(10.653.666.412)	1.423.204.717
3	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(81.350.666.850)	(45.639.516.724)	35.711.150.126
4	Tiền lãi vay đã trả	14	(24.602.583.755)	(22.634.915.170)	1.967.668.585
5	Thuế TNDN đã nộp	15		(1.178.268.380)	(1.178.268.380)
6	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	942.533.000	(942.533.000)	(1.885.066.000)
7	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	9.305.018.637	(9.305.018.637)	(18.610.037.274)
8	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.859.848	3.859.848
9	Tiền thu từ đi vay	33	334.695.502.240	290.117.441.789	(44.578.060.451)
10	Tiền trả nợ gốc vay	34	(322.230.997.830)	(289.293.571.427)	32.937.426.403
11	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.719.109.846)	(3.719.109.846)

Nguyên nhân chênh lệch:

1. Chỉ tiêu 06 - Chi phí lãi vay: Chênh lệch giảm 1.636.620.238 đồng, theo ý kiến của kiểm toán độc lập đơn vị điều chỉnh giảm khoản phải trả cho Bảo hiểm xã hội tiền lãi chậm trả do xác định quá, đồng thời giảm chi phí lãi vay trong kỳ tương ứng số tiền: 1.470.679.988 đồng, đồng thời điều chỉnh giảm lãi chậm trả cho Bảo hiểm xã hội do xác định quá và tăng chi phí khác (TK811) số tiền: 165.940.250 đồng.

2. Chỉ tiêu 10 - Tăng, giảm hàng tồn kho: Chênh lệch tăng 1.423.204.717 đồng, theo ý kiến kiểm toán độc lập, đơn vị điều chỉnh giảm hàng tồn kho, tăng giá vốn hàng bán số tiền: 1.423.204.717 đồng.

3. Chỉ tiêu 11 - Tăng, giảm các khoản phải trả: Do điều chỉnh các chỉ tiêu khác nên ảnh hưởng đến chỉ tiêu này.

4. Chỉ tiêu 14 - Tiền lãi vay đã trả: Chênh lệch tăng 1.967.668.585 đồng, theo ý kiến của kiểm toán độc lập đơn vị điều chỉnh giảm khoản phải trả cho Bảo hiểm xã hội tiền lãi chậm trả do xác định quá, đồng thời giảm chi phí lãi vay trong kỳ, nên ảnh hưởng đến chỉ tiêu này.

5. Chỉ tiêu 15 - Thuế TNDN đã nộp: Chênh lệch giảm 1.178.268.380 đồng, do đơn vị khi lập báo cáo bị ghi sót, nên kiểm toán độc lập điều chỉnh bổ sung.

6. Chỉ tiêu 17 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh: Do đơn vị khi lập báo cáo đã ghi nhầm số âm thành số dương, nên kiểm toán độc lập điều chỉnh lại.

7. Chỉ tiêu 21 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác: Do đơn vị khi lập báo cáo đã ghi nhầm số âm thành số dương, nên kiểm toán độc lập điều chỉnh lại.

8. Chỉ tiêu 27 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia: Chênh lệch tăng 3.859.848 đồng, do đơn vị khi lập báo cáo bị ghi sót, nên kiểm toán độc lập điều chỉnh bổ sung.

9. Chỉ tiêu 33 - Tiền thu từ đi vay: Do khi lập báo cáo đơn vị tính trùng khoản vay và trả nên kiểm toán độc lập điều chỉnh lại.

10. Chỉ tiêu 34 - Tiền chi trả nợ gốc vay: Do khi lập báo cáo đơn vị tính trùng khoản vay và trả nên kiểm toán độc lập điều chỉnh lại.

11. Chỉ tiêu 35 - Tiền trả nợ gốc thuê tài chính: Chênh lệch giảm 3.719.109.846 đồng: Do khi lập báo cáo đơn vị gộp vào chỉ tiêu 34 - Tiền chi trả nợ gốc vay, theo ý kiến của kiểm toán độc lập đơn vị tách ra để ghi vào chỉ tiêu 35.

1. Lợi nhuận lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 giảm hơn 10% so với lũy kế 6 tháng đầu năm 2019:

Một số chỉ tiêu lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2019	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020	Tỷ lệ
A	B	1	2	3=2/1
1	Tổng doanh thu	380.580.676.707	340.868.398.096	90%
2	Tổng chi phí	374.366.845.216	339.039.672.588	91%
3	Lợi nhuận trước thuế	6.213.831.491	1.828.725.508	29%
4	Lợi nhuận sau thuế	4.971.065.193	1.435.183.716	29%

Ban lãnh đạo điều hành Công ty thường xuyên chỉ đạo sát sao nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong công tác nghiệm thu thanh toán và thu tiền về tài khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 giảm 71% so với cùng kỳ năm 2019, nguyên nhân do:

+ Trong 6 tháng đầu năm 2020 các Công trình lớn Công ty thi công đã đi vào giai đoạn hoàn thiện bàn giao cho Chủ đầu tư như Gói thầu XL2 Công trình nhà Quốc Hội, các công thủy điện Huội Quảng, thủy điện Nậm Ban 1, thủy điện Đồng Nai 5, thủy điện Sông Chò 2, thủy điện Xekaman 3 và Xekaman 1 - Sanxay tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân Dân Lào, công tác nghiệm thu thanh toán không đạt tiến độ đề ra nên giá trị dở dang lớn, các khoản công nợ chờ quyết toán và chờ bảo hành tăng lên làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, phát sinh tăng chi phí tài chính của Công ty.

+ Phát sinh chi phí ban đầu do di chuyển lực lượng thi công, máy móc thiết bị để triển khai thi công Công trình thủy điện Hạ Sê Kông tại Lào.

+ Do ảnh hưởng của dịch Covid - 19, việc giãn cách xã hội ảnh hưởng rất lớn tới công tác nghiệm thu thanh toán các công trình.

+ Ngoài ra, Công ty chủ yếu thi công các công trình đấu thầu có biên lợi nhuận thấp hơn các công trình chỉ định thầu trước đây.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu TCKT, VP.

NGƯỜI ĐƯỢC UQ CBTT



Trần Ngọc Ánh